

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 67

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh - nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2025
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	
Ông Ngô Vi Hải Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Wong Kelly Yin Hon	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao VNG	miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm lại ngày 8 tháng 10 năm 2025
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	
Bà Trương Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc VNG	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Wong Kelly Yin Hon
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11537012/68608045-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG, tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 67, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.520.370.646.307	4.338.133.625.165
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.805.681.306.540	2.743.447.663.820
111	1. Tiền		2.322.081.337.728	2.290.510.133.964
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.483.599.968.812	452.937.529.856
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		925.800.250.000	60.004.115.130
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	925.800.250.000	60.004.115.130
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.192.780.445.850	868.882.163.080
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	680.004.894.855	527.815.412.877
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	175.317.577.838	180.710.081.402
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	421.790.570.993	241.602.705.829
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(84.332.597.836)	(81.246.037.028)
140	IV. Hàng tồn kho		89.726.910.471	47.112.068.827
141	1. Hàng tồn kho	11	91.039.113.893	48.172.751.852
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11	(1.312.203.422)	(1.060.683.025)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		506.381.733.446	618.687.614.308
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	274.939.619.376	310.442.964.158
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21	202.248.014.303	274.208.088.392
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	29.194.099.767	34.036.561.758
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.831.883.393.269	5.096.019.602.066
210	I. Phải thu dài hạn		9.004.697.038	13.566.125.480
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	9.004.697.038	13.566.125.480
220	II. Tài sản cố định		2.464.341.061.494	2.904.111.697.832
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	2.254.834.151.096	2.608.690.117.377
222	Nguyên giá		4.264.522.311.873	4.195.333.754.498
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.009.688.160.777)	(1.586.643.637.121)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	110.942.986.390	139.710.038.143
225	Nguyên giá		166.550.996.628	161.305.595.964
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(55.608.010.238)	(21.595.557.821)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	98.563.924.008	155.711.542.312
228	Nguyên giá		1.039.320.481.370	1.010.926.532.609
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(940.756.557.362)	(855.214.990.297)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		129.768.850.895	124.460.319.099
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	129.768.850.895	124.460.319.099
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		962.793.621.892	1.799.070.429.320
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	821.859.141.242	838.762.505.786
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	175.861.661.096	734.431.898.405
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	(35.127.180.446)	(597.482.974.871)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	200.000.000	823.359.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		265.975.161.950	254.811.030.335
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	199.609.804.152	235.325.196.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	66.365.357.798	6.213.056.683
269	3. Lợi thế thương mại	18	-	13.272.777.202
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.352.254.039.576	9.434.153.227.231

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.462.019.973.268	8.326.204.270.177
310	I. Nợ ngắn hạn		8.014.617.533.597	5.916.173.957.992
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	812.268.489.881	614.548.103.632
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	79.902.340.690	61.468.650.163
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	265.096.483.729	159.780.353.891
314	4. Phải trả người lao động		58.056.970.452	60.604.984.026
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	1.563.508.817.151	1.323.779.147.014
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	2.594.799.747.529	1.843.189.184.199
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	1.345.088.065.766	1.098.006.268.426
320	8. Vay ngắn hạn	25	1.295.896.618.399	754.797.266.641
330	II. Nợ dài hạn		2.447.402.439.671	2.410.030.312.185
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	149.998.749.357	93.628.602.544
337	2. Phải trả dài hạn khác		439.693.328	333.497.000
338	3. Vay dài hạn	25	1.098.487.530.341	1.248.764.604.683
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	1.181.409.471.645	1.047.402.911.808
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	26	17.066.995.000	19.900.696.150
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		890.234.066.308	1.107.948.957.054
410	I. Vốn chủ sở hữu		890.234.066.308	1.107.948.957.054
411	1. Vốn cổ phần	27.1	293.769.740.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		293.769.740.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	(397.014.270.565)	(409.833.750.565)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	108.589.569.294	46.347.554.900
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	558.439.919.807	826.832.401.620
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		821.835.645.324	1.907.505.197.138
421b	- Lỗ sau thuế năm nay		(263.395.725.517)	(1.080.672.795.518)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28	326.449.107.772	357.242.751.099
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.352.254.039.576	9.434.153.227.231

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	10.894.374.210.277	9.273.323.312.176
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(6.889.008.570.793)	(5.847.152.303.374)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.005.365.639.484	3.426.171.008.802
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	213.397.370.802	157.996.664.312
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	31	(192.782.470.614) (137.813.161.195)	(177.306.640.826) (145.335.261.844)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	17.1	(93.602.502.911)	(392.302.994.527)
25	7. Chi phí bán hàng	32	(2.557.514.836.500)	(1.970.946.985.364)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(1.318.345.935.228)	(1.329.745.568.320)
30	9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		56.517.265.033	(286.134.515.923)
31	10. Thu nhập khác	33	10.583.520.411	17.958.235.979
32	11. Chi phí khác	33	(188.599.291.486)	(467.259.691.122)
40	12. Lỗ khác	33	(178.015.771.075)	(449.301.455.143)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(121.498.506.042)	(735.435.971.066)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(130.631.780.368)	(80.032.571.141)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	(73.854.258.722)	(364.912.559.611)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(325.984.545.132)	(1.180.381.101.818)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	17. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		(263.395.725.517)	(1.080.672.795.518)
62	18. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	28	(62.588.819.615)	(99.708.306.300)
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	37	(9.049)	(37.607)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	37	(9.049)	(37.607)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(121.498.506.042)	(735.435.971.066)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	13, 14, 15, 18	646.049.745.708	563.803.122.062
03	Dự phòng		248.550.467.136	293.848.060.960
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(647.825.648)	(18.048.006.939)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(54.972.418.213)	288.245.571.234
06	Chi phí lãi vay	31	137.813.161.195	145.335.261.844
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		855.294.624.136	537.748.038.095
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(244.885.206.661)	70.160.271.814
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(42.866.362.041)	36.237.797.341
11	Tăng các khoản phải trả		1.515.331.995.411	533.857.551.308
12	Tăng chi phí trả trước		(74.143.616.642)	(101.126.869.617)
14	Tiền lãi vay đã trả		(124.444.614.448)	(137.924.744.090)
15	Thuế TNDN đã nộp		(47.912.230.429)	(96.033.841.310)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.836.374.589.326	842.918.203.541
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(256.331.236.819)	(1.292.500.662.521)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		25.429.112.553	22.684.466.457
23	Tiền chi cho vay		(37.957.134.870)	(747.038.702.206)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(73.999.475.124)	(1.251.920.748.612)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.559.359.908	773.204.955.743
27	Tiền lãi và cổ tức được nhận		49.353.843.683	36.591.824.733
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(233.945.530.669)	(2.458.978.866.406)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		47.900.680.000	11.286.240.000
	Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	28	26.950.000.000	80.959.739.760
33	Tiền thu từ đi vay	25	1.846.885.286.029	2.612.875.248.395
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.435.122.898.497)	(2.156.468.639.319)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(35.094.715.878)	(32.495.702.508)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	28	(580.008)	(600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		451.517.771.646	516.156.286.328
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		2.053.946.830.303	(1.099.904.376.537)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.743.447.663.820	3.837.906.886.822
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		8.286.812.417	5.445.153.535
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	4.805.681.306.540	2.743.447.663.820

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh - nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.327 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.324 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có mười ba (13) công ty con trực tiếp, hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp, bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và ba (3) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na ("Vinanet")	99,50	99,50	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	100,00	100,00	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cổng thông tin và sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quỹ Kiến tạo Ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động
11.	Công ty TNHH 2MoreBits ("2MoreBits")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
13.	Công ty TNHH VNGGames ("VNGGames VN")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
14.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains VN")	-	-	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp								
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	51,00	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
5.	VNG Games Co., Ltd ("VNGGames TH")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động
6.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
7.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	100,00	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)								
11.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
12.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,989	100,00	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
13.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (i) (*)	47,73	66,67	47,73	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
14.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
15.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU")	47,73	100,00	47,73	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính	Đang hoạt động
16.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,73	100,00	47,73	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
17.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK")	47,73	100,00	47,73	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Ngưng hoạt động
18.	Instantia Capital Pte. Ltd. ("Instpay Capital")	47,73	100,00	-	-	Singapore	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
19.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
20.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
21.	Công ty TNHH Zing ("Zing")	100,00	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Trước hoạt động

(i) Tập đoàn giữ 47,73% quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo GCNĐKDN của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Tập đoàn.

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)								
22.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode VN")	98,789	99,80	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
23.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG")	99,989	100,00	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
24.	Greennode Co., Ltd ("Greennode TH")	99,989	100,00	99,989	100,00	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
25.	VNGGames Pte. Ltd. ("VNGGames SG")	99,989	100,00	-	-	Singapore	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
26.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK")	-	-	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Ngưng hoạt động
27.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	-	-	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
28.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	-	-	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
29.	YoPlatform FZE ("YoPlatform")	-	-	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
30.	VNG Technologies LLC	-	-	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; Thiết bị Hệ thống Máy tính và Truyền thông; Thiết kế phần mềm; Dịch vụ công nghệ sở cái phân tán; Tư vấn Công nghệ thông tin	Đang hoạt động

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
III. Công ty liên kết trực tiếp								
1.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	4,37	4,37	4,37	4,37	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	35,00	35,00	35,00	35,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")	22,24	22,24	22,46	22,46	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains VN")	40,00	40,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	-	-	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư	Đang trong quá trình giải thể
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	-	-	23,94	23,94	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Đang hoạt động
IV. Công ty liên kết gián tiếp								
1.	Open Commerce Group Ltd. ("OCG")	12,17	12,17	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
2.	NCV Games Pte. Ltd ("NCV")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử	Đang hoạt động
3.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	40,00	40,00	-	-	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
4.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	-	-	11,25	11,25	Quần đảo Cayman	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
5.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	-	-	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
6.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")	-	-	14,00	14,00	Thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc	Phân phối trò chơi điện tử	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2.7 Giả định hoạt động liên tục

Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 325.984.545.132 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 494.246.887.290 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Tập đoàn phụ thuộc vào khả năng hoạt động kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

Tập đoàn đã lập kế hoạch dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, cũng như nguồn tài chính bổ sung thông qua các hạn mức tín dụng hiện hữu. Tập đoàn kỳ vọng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Tập đoàn có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm, số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 – 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
Tài sản khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần mềm

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền, được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Việc đánh giá sự suy giảm của phí bản quyền được thực hiện cho từng trò chơi một cách riêng lẻ, dựa trên hiệu suất dự báo của từng trò chơi. Các khoản tổn thất từ việc suy giảm của phí bản quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá trị phí bản quyền của các giấy phép bị thu hồi hoặc đồng trong năm cũng sẽ được xóa sổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển và đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành. Khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười (10) năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo chương trình quyền chọn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại *Thuyết minh số 39* của báo cáo tài chính hợp nhất do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Tập đoàn phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Tập đoàn tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua đơn vị ảo và dùng đơn vị ảo để mua vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kĩ năng, các tính năng có trong trò chơi để nâng cấp, tăng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Tập đoàn được xác định khi Tập đoàn tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Tập đoàn đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Tập đoàn ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Tập đoàn xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Tập đoàn xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Tập đoàn sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Tập đoàn tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Tập đoàn cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Tập đoàn bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Tập đoàn tính cho người chơi vì Tập đoàn là chủ thể trong giao dịch này. Tập đoàn kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (chẳng hạn như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Tập đoàn cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Tập đoàn ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Tập đoàn yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Tập đoàn không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Tập đoàn ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v. và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác bao gồm:

- Dịch vụ công nghệ tài chính;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác và các dịch vụ khác.

Doanh thu của các dịch vụ trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp*

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, và các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

3.20 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh các lĩnh vực trò chơi trực tuyến, truyền thông đa phương tiện, dịch vụ công nghệ tài chính, chuyển đổi số và dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Do Tập đoàn có trụ sở tại Việt Nam và Tập đoàn xem báo cáo bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh là báo cáo thông tin bộ phận chính yếu của mình, do đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng việc trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý là không cần thiết.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Thành lập các công ty con trong năm

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH 2MoreBits ("2MoreBits") với tỷ lệ sở hữu là 100%. 2MoreBits có địa chỉ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm.

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms") với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zalo Platforms có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Instantia Capital Pte. Ltd. ("Instpay Capital") với tỷ lệ sở hữu là 47,73%. Instpay Capital có địa chỉ tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

Thành lập các công ty con trong năm (tiếp theo)

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập VNGGames Pte. Ltd. ("VNGGames SG") với tỷ lệ sở hữu là 99,989%. VNGGames SG có địa chỉ tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH VNGGames ("VNGGames VN") với tỷ lệ sở hữu là 100%. VNGGames VN có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về trò chơi điện tử qua mạng.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Zing ("Zing") với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zing có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.

Chuyển nhượng cổ phần trong công ty con hiện hữu

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet"), công ty con của Tập đoàn, đã hoàn tất chuyển nhượng 100% phần vốn góp trong VNG Solutions cho một đối tác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 02/2025/NQHĐQT-VNN ngày 20 tháng 3 năm 2025. Theo đó, VNG Solutions không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 5 tháng 6 năm 2025, VNG Investment Pte. Ltd ("VNG Investment"), công ty con của Tập đoàn, đã hoàn tất chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong VNG Technologies L.L.C cho đối tác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 02/2025/DRIW-VIVV ngày 3 tháng 4 năm 2025. Theo đó, VNG Technologies L.L.C không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Mất quyền kiểm soát trong Công ty TNHH Verichains ("Verichains VN") và Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã ký kết các Hợp đồng Chuyển nhượng phần vốn góp với một nhà đầu tư chiến lược để chuyển nhượng 60% phần vốn góp của Tập đoàn trong Verichains VN và 60% tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Verichains SG.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2025, các giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu tương ứng trong Verichains VN và Verichains SG xuống còn 40%. Verichains VN và Verichains SG trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này. Tập đoàn ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý nói trên vào tài khoản doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	764.795.930	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.321.316.541.798	2.289.601.754.964
Tiền đang chuyển	-	274.234.084
Các khoản tương đương tiền (**)	2.483.599.968.812	452.937.529.856
TỔNG CỘNG	4.805.681.306.540	2.743.447.663.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần của tiền gửi ngân hàng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản thu được giữ hộ cho người bán cho các giao dịch mua chưa hoàn tất, số dư trong ví điện tử của người dùng ZaloPay có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính của Tập đoàn, và một lượng tiền nhất định được ngân hàng yêu cầu dự trữ (hoặc duy trì) để đảm bảo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh – “TM”, số 5 và số 6*) của Tập đoàn với tổng số dư 464 tỷ VND đang bị giới hạn giao dịch, liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(**) Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 4,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 2,9% đến 6,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn này được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho một khoản vay dài hạn như được trình bày tại *TM số 25.2*.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và được hưởng lãi suất 4,4%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu khách hàng	633.434.920.164	482.622.163.231
- <i>Apple Inc.</i>	223.430.655.905	124.359.229.931
- <i>Google Inc.</i>	82.775.831.821	57.555.262.345
- <i>Khác</i>	327.228.432.438	300.707.670.955
Phải thu các bên liên quan (<i>TM số 36</i>)	46.569.974.691	45.193.249.646
TỔNG CỘNG	680.004.894.855	527.815.412.877
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.937.497.836)	(17.850.937.028)
GIÁ TRỊ THUẦN	659.067.397.019	509.964.475.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	175.317.577.838	173.597.801.402
- Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	63.395.100.000	63.395.100.000
- Devsisters Corporation	26.218.300.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt	2.961.338.132	49.165.988.342
- Hong Kong NetEase Interactive Entertainment Limited	-	25.401.000.000
- Các nhà cung cấp khác	82.742.839.706	35.635.713.060
Trả trước cho bên liên quan (TM số 36)	-	7.112.280.000
TỔNG CỘNG	175.317.577.838	180.710.081.402
Dự phòng trả trước cho người bán	(63.395.100.000)	(63.395.100.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	111.922.477.838	117.314.981.402

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	421.790.570.993	241.602.705.829
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	199.739.598.927	66.580.811.893
Phải thu ngân hàng - dịch vụ trung gian thanh toán	72.606.543.469	49.317.375.443
Tiền lãi phải thu	57.594.097.562	18.272.065.910
Tạm ứng cho nhân viên	3.602.976.129	12.199.616.292
Khác	88.247.354.906	95.232.836.291
Dài hạn	9.004.697.038	13.566.125.480
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	9.004.697.038	13.566.125.480
TỔNG CỘNG	430.795.268.031	255.168.831.309

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	81.246.037.028	82.639.895.160
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.086.560.808	1.055.183.049
Trừ: Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.449.041.181)
Số cuối năm	84.332.597.836	81.246.037.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	63.302.651.389	-	16.387.967.482	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.390.596.358	-	9.584.304.003	-
Hàng khuyến mãi	9.207.176.092	(1.312.203.422)	5.891.985.163	(1.060.683.025)
Hàng hóa	8.138.690.054	-	16.308.495.204	-
TỔNG CỘNG	91.039.113.893	(1.312.203.422)	48.172.751.852	(1.060.683.025)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn	274.939.619.376	310.442.964.158		
Chi phí kênh phân phối	169.805.083.710	145.977.853.067		
Chi phí dịch vụ trả trước	62.639.531.965	66.250.022.464		
Phí bản quyền phần mềm	20.545.122.157	83.809.941.595		
Khác	21.949.881.544	14.405.147.032		
Dài hạn	199.609.804.152	235.325.196.450		
Tiền thuê đất trả trước (*)	96.420.766.347	103.097.280.168		
Công cụ, dụng cụ	57.445.133.120	72.768.343.737		
Phí bản quyền âm nhạc	15.267.732.466	21.928.050.045		
Chi phí kênh phân phối	9.928.306.895	14.769.276.870		
Chi phí sửa chữa văn phòng	9.533.320.632	10.080.560.323		
Khác	11.014.544.692	12.681.685.307		
TỔNG CỘNG	474.549.423.528	545.768.160.608		

(*) Tập đoàn đã sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất từ tiền thuê đất trả trước này để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1 và TM số 25.2).

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.517.420.101.502	2.426.484.753.171	47.415.108.352	151.725.238.847	52.288.552.626	4.195.333.754.498
Mua trong năm	-	21.718.705.127	7.099.661.742	13.503.237.765	1.206.904.000	43.528.508.634
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	33.361.948.308	-	-	-	33.361.948.308
Thanh lý và xóa sổ	(2.008.091.000)	(85.407.044.581)	(2.346.250.194)	(19.443.054.135)	(1.841.863.995)	(111.046.303.905)
Phân loại lại	(8.844.314.959)	8.844.314.959	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(1.350.928.698)	104.264.355.599	-	430.977.437	-	103.344.404.338
Số cuối năm	1.505.216.766.845	2.509.267.032.583	52.168.519.900	146.216.399.914	51.653.592.631	4.264.522.311.873
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.524.449.430	677.304.835.857	38.385.769.559	117.228.756.029	49.753.480.464	884.197.291.339
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	(251.201.940.734)	(1.106.131.984.095)	(40.006.000.901)	(137.784.473.220)	(51.519.238.171)	(1.586.643.637.121)
Hao mòn trong năm	(77.695.589.229)	(395.641.663.520)	(4.532.195.357)	(11.627.502.375)	(478.668.667)	(489.975.619.148)
Phân loại lại	878.864.915	(878.864.915)	-	-	-	-
Thanh lý và xóa sổ	273.102.499	71.753.872.803	1.545.852.914	18.713.824.103	1.841.863.995	94.128.516.314
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(58.045.149)	(26.775.182.738)	-	(364.192.935)	-	(27.197.420.822)
Số cuối năm	(327.803.607.698)	(1.457.673.822.465)	(42.992.343.344)	(131.062.344.427)	(50.156.042.843)	(2.009.688.160.777)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.266.218.160.768	1.320.352.769.076	7.409.107.451	13.940.765.627	769.314.455	2.608.690.117.377
Số cuối năm	1.177.413.159.147	1.051.593.210.118	9.176.176.556	15.154.055.487	1.497.549.788	2.254.834.151.096
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (TM số 25.1 và TM số 25.2)	1.176.662.973.995	290.436.976.002	-	-	-	1.467.099.949.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Máy móc và thiết bị (*)

Nguyên giá:

Số đầu năm	161.305.595.964
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	5.245.400.664
Số cuối năm	166.550.996.628

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	(21.595.557.821)
Hao mòn trong năm	(33.011.732.218)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(1.000.720.199)
Số cuối năm	(55.608.010.238)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	139.710.038.143
Số cuối năm	110.942.986.390

(*) Tập đoàn thuê các tài sản liên quan đến dịch vụ đám mây ("Cloud service") theo hợp đồng thuê tài chính nhằm mục đích sử dụng cho các hoạt động cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet. Theo hợp đồng thuê tài chính này, Tập đoàn có thể mua lại các tài sản thuê tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong TM số 25.4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	947.022.718.761	63.903.813.848	1.010.926.532.609
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	87.270.390.800	2.806.289.000	90.076.679.800
Mua trong năm	75.034.687.318	-	75.034.687.318
Thanh lý và xóa sổ	(135.476.387.246)	-	(135.476.387.246)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(11.446.761.824)	(11.446.761.824)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	8.255.453.299	1.950.277.414	10.205.730.713
Số cuối năm	982.106.862.932	57.213.618.438	1.039.320.481.370
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	540.014.416.329	37.177.121.864	577.191.538.193
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(816.122.943.396)	(39.092.046.901)	(855.214.990.297)
Hao mòn trong năm	(112.652.332.754)	(3.624.936.005)	(116.277.268.759)
Tăng khác	(89.841.736.170)	-	(89.841.736.170)
Thanh lý và xóa sổ	129.376.001.630	-	129.376.001.630
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(8.526.637.091)	(271.926.675)	(8.798.563.766)
Số cuối năm	(897.767.647.781)	(42.988.909.581)	(940.756.557.362)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	130.899.775.365	24.811.766.947	155.711.542.312
Số cuối năm	84.339.215.151	14.224.708.857	98.563.924.008

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	91.405.178.776	95.045.817.824
Hệ thống máy chủ đang hoàn thiện	28.565.797.642	20.568.206.332
Khác	9.797.874.477	8.846.294.943
TỔNG CỘNG	129.768.850.895	124.460.319.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 17.1)	821.859.141.242	838.762.505.786
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 17.2)	175.861.661.096	734.431.898.405
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (TM số 6)	200.000.000	823.359.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (TM số 17.2)	(35.127.180.446)	(597.482.974.871)
TỔNG CỘNG	962.793.621.892	1.799.070.429.320

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	597.482.974.871	102.792.808.196
Cộng: Chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết	-	510.119.999.037
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(19.388.526.319)
Trừ: Xóa sổ trong năm	(563.462.099.037)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	1.106.304.612	3.958.693.957
Số cuối năm	35.127.180.446	597.482.974.871

17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị đầu tư		
Số đầu năm	1.720.716.284.303	1.992.237.908.772
Tăng giá trị đầu tư	87.989.935.208	238.598.374.568
Thanh lý & xóa sổ khoản đầu tư	(727.224.129.535)	-
Chuyển sang đầu tư khác	-	(510.119.999.037)
Số cuối năm	1.081.482.089.976	1.720.716.284.303
Phản lỗ lũy kế sau khi đầu tư		
Số đầu năm	(881.953.778.517)	(999.770.783.027)
Phản lỗ từ công ty liên kết	(93.602.502.911)	(392.302.994.527)
Cổ tức nhận được	(11.290.796.841)	-
Thanh lý & xóa sổ khoản đầu tư	727.224.129.535	-
Chuyển sang đầu tư khác	-	510.119.999.037
Số cuối năm	(259.622.948.734)	(881.953.778.517)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	838.762.505.786	992.467.125.745
Số cuối năm	821.859.141.242	838.762.505.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị còn lại của các khoản đầu tư liên kết như sau:

Tên Công ty	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd	272.879.679.386	381.379.367.370
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH	218.319.589.568	219.406.763.806
Công ty Cổ phần DayOne Holding	111.985.419.917	125.688.824.624
Open Commerce Group Ltd.	91.238.908.017	96.407.353.433
NCV Games Pte. Ltd	98.813.774.374	15.880.196.553
Verichains SG Pte. Ltd	15.927.096.464	-
Công ty TNHH Verichains	12.694.673.516	-
Telio Pte. Ltd	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	-	-
Cloudverse Pte. Ltd	-	-
Rocketeer Holding Limited	-	-
TỔNG CỘNG	821.859.141.242	838.762.505.786

Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Asia có trụ sở chính tại Số 108 Đường Robinson, #06-01, Singapore 068902. Hoạt động chính của Funding Asia là kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 4,37% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,37%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính đặt tại Số Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và cho thuê văn phòng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 35,00% quyền sở hữu VTH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 35,00%).

Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")

DayOne Holding được thành lập theo GCNĐKKD số 0318506038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2024. DayOne Holding có trụ sở chính tại Số 102, Nguyễn Đình Chính, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne Holding là dịch vụ tư vấn quản lý.

Trong quý 2 năm 2025, DayOne Holding đã hoàn tất việc phát hành cổ phần cho nhân viên theo chương trình cổ phiếu cho người lao động. Theo đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của Tập đoàn trong DayOne Holding bị pha loãng còn 22,24% (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22,46%).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")

OCG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202140908D vào ngày 24 tháng 11 năm 2021. OCG có trụ sở chính tại 1 Raffles Place #40-02 One Raffles Place Singapore 048616. Hoạt động chính của OCG là thương mại điện tử.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 12,17% tỷ lệ sở hữu trong OCG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12,17%). Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) thành viên Hội đồng quản trị của OCG kèm các quyền khác và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

NCV Games Pte. Ltd. ("NCV")

NCV được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202425231Z ngày 24 tháng 6 năm 2024. NCV có trụ sở chính tại 9 Raffles Place, #26-01, Republic Plaza, Singapore. Hoạt động chính của NCV là phân phối bản quyền trò chơi điện tử.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 30,00% quyền sở hữu NCV (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30,00%).

Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")

Verichains SG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202224603W ngày 15 tháng 7 năm 2022. Verichains SG có trụ sở chính tại 9 Raffles Place, #08-03, Republic Plaza, Singapore 048619. Hoạt động chính của Verichains SG là phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 40,00% quyền sở hữu Verichains SG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100,00%).

Công ty TNHH Verichains ("Verichains VN")

Verichains VN được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 0317231038 ngày 11 tháng 7 năm 2022. Verichains VN có trụ sở chính tại Số Z06, Đường số 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Verichains VN là sản xuất và phát triển phần mềm các loại.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 40,00% quyền sở hữu Verichains VN (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100,00%).

Telio Pte. Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 10 Anson Road, #16-04, International Plaza, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Telio đang trong quá trình hoàn tất việc giải thể các công ty con và thực hiện thủ tục pháp lý liên quan. Trên cơ sở đó, Tập đoàn kết luận rằng khoản đầu tư này không còn khả năng thu hồi và thực hiện xóa sổ toàn bộ giá trị khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với một bên thứ ba để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Ecotruck. Giao dịch trên đã hoàn tất vào ngày 21 tháng 8 năm 2025. Theo đó, Ecotruck không còn là công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")

Cloudverse được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202141526E vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Cloudverse có trụ sở chính tại 3 Fraser Street, #05-24 Duo Tower, Singapore 189352. Hoạt động chính của Cloudverse là cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2025/DRIW-VSG ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã xóa sổ khoản đầu tư vào Cloudverse.

Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2025/DRIW-VSG ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã xóa sổ khoản đầu tư vào Rocketeer.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Haegin, Co. Ltd ("Haegin")	55.555	0,57	109.607.027.334	55.555	0,57	106.155.034.938
Transcend Fund II	-	-	66.254.633.762	-	-	53.310.018.537
Tiki Global Pte. Ltd	-	-	-	4.639.533	1,45	510.119.999.037
Wildseed Games, Inc.	-	-	-	-	-	50.802.000.000
Trái phiếu của Victoria Shanghai	-	-	-	-	-	11.504.745.893
Education Foundation Limited	-	-	-	-	-	2.540.100.000
Real Stake Pte Ltd	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			175.861.661.096			734.431.898.405
			(35.127.180.446)			(597.482.974.871)
						Dự phòng (VND)

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	Verichains VN	Tổng cộng
Nguyên giá							VND
Số đầu năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	158.604.581.243	191.982.852.945
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	(158.604.581.243)	(158.604.581.243)
Số cuối năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	-	33.378.271.702
Phân bổ lũy kế							
Số đầu năm	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(4.961.679.835)	(151.396.079.443)	(178.710.075.743)
Phân bổ trong năm	-	-	-	-	(6.064.275.402)	(720.850.181)	(6.785.125.583)
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	152.116.929.624	152.116.929.624
Số cuối năm	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(11.025.955.237)	-	(33.378.271.702)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	-	-	-	-	-	7.208.501.800	13.272.777.202
Số cuối năm	-	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	650.439.549.582	427.937.196.558
- Haegin, Co. Ltd.	60.659.128.040	8.212.535.988
- Seasun Games Corporation Limited	48.050.523.594	81.996.292.982
- Google Asia Pacific Pte. Ltd.	16.195.416.719	32.033.728.695
- Phải trả các người bán khác	525.534.481.229	305.694.638.893
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 36)	161.828.940.299	186.610.907.074
TỔNG CỘNG	812.268.489.881	614.548.103.632

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	79.220.261.270	60.015.647.813
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 36)	682.079.420	1.453.002.350
TỔNG CỘNG	79.902.340.690	61.468.650.163



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Giảm do thanh lý công ty con	Số cuối năm
VND						
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	274.208.088.392	667.590.016.587	(747.020.615.493)	7.866.362.892	(395.838.075)	202.248.014.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.036.561.758	36.519.746	(4.907.929.624)	28.947.887	-	29.194.099.767
TỔNG CỘNG	308.244.650.150	667.626.536.333	(751.928.545.117)	7.895.310.779	(395.838.075)	231.442.114.070
Phải nộp						
Thuế giá trị gia tăng	57.163.544.435	1.016.074.535.035	(1.004.849.870.042)	(1.927.986.294)	(291.540.173)	66.168.682.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.922.310.110	125.723.850.744	(47.875.710.683)	1.150.620.129	(5.106.145.954)	111.814.924.346
Thuế thu nhập cá nhân	35.858.020.765	339.058.487.052	(335.757.897.188)	(159.115.317)	(2.688.634.630)	36.310.860.682
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.836.478.581	500.585.817.859	(478.715.797.464)	122.560.910	(27.044.146)	50.802.015.740
TỔNG CỘNG	159.780.353.891	1.981.442.690.690	(1.867.199.275.377)	(813.920.572)	(8.113.364.903)	265.096.483.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền phần mềm	794.138.109.848	638.859.751.435
Chi phí lương, thưởng	497.866.534.283	305.293.360.951
Chi phí quảng cáo	103.002.285.501	44.837.456.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.870.434.055	80.280.344.461
Chi phí phải trả khác	97.631.453.464	254.508.233.826
TỔNG CỘNG	1.563.508.817.151	1.323.779.147.014
Trong đó:		
Chi phí phải trả bên khác	1.134.872.885.095	904.645.127.018
Chi phí phải trả bên liên quan (TM số 36)	428.635.932.056	419.134.019.996

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Số dư cuối năm thể hiện số tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng, dịch vụ quảng cáo và các dịch vụ khác.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.594.799.747.529	1.843.189.184.199
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	2.179.234.964.795	1.634.154.034.241
Dịch vụ khác	415.564.782.734	209.035.149.958
Dài hạn	149.998.749.357	93.628.602.544
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	149.975.691.081	93.533.215.777
Dịch vụ khác	23.058.276	95.386.767
TỔNG CỘNG	2.744.798.496.886	1.936.817.786.743

24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ	1.024.257.912.863	805.626.476.959
Nhận đặt cọc mua cổ phần (*)	202.103.280.000	178.841.570.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	38.661.289.233	29.351.930.195
Kinh phí công đoàn	13.500.163.062	12.720.637.842
Phải trả khác	66.565.420.608	71.465.653.430
TỔNG CỘNG	1.345.088.065.766	1.098.006.268.426
Trong đó:		
Phải trả khác bên khác	1.070.022.307.839	958.213.927.780
Phải trả khác bên liên quan (TM số 36)	275.065.757.927	139.792.340.646

(*) Số dư cuối năm bao gồm số tiền nhận được từ VNG Limited để mua cổ phần phổ thông của công ty con do Công ty sở hữu 100% khi VNG Limited phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") – 190.145.750.000 VND hoặc 7.250.000 đô la Mỹ (31 tháng 12 năm 2024: 139.705.500.000 VND hoặc 5.500.000 đô la Mỹ). Nếu đợt IPO không diễn ra đúng thời hạn đã định, công ty con có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền này cho VNG Limited.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do thanh lý công ty con	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
							VND
Ngắn hạn:	754.797.266.641	1.809.000.030.190	(1.470.217.614.375)	(16.500.000.000)	215.665.753.779	3.151.182.164	1.295.896.618.399
Vay ngân hàng ngắn hạn (TM số 25.1)	558.040.997.116	1.701.006.030.190	(1.264.737.442.285)	-	-	-	994.309.585.021
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (TM số 25.2)	159.266.835.811	-	(170.385.456.212)	-	177.525.899.612	-	166.407.279.211
Vay bên khác ngắn hạn (TM số 25.3)	3.500.000.000	107.994.000.000	-	(16.500.000.000)	-	2.045.900.000	97.039.900.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (TM số 25.4)	33.989.433.714	-	(35.094.715.878)	-	38.139.854.167	1.105.282.164	38.139.854.167
Dài hạn:	1.248.764.604.683	37.885.255.839	-	-	(215.665.753.779)	27.503.423.598	1.098.487.530.341
Vay ngân hàng dài hạn (TM số 25.2)	1.153.944.170.342	37.885.255.839	-	-	(177.525.899.612)	24.420.014.332	1.038.723.540.901
Nợ thuế tài chính (TM số 25.4)	94.820.434.341	-	-	-	(38.139.854.167)	3.083.409.266	59.763.989.440
TỔNG CỘNG	2.003.561.871.324	1.846.885.286.029	(1.470.217.614.375)	(16.500.000.000)	-	30.654.605.762	2.394.384.148.740

25.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	994.309.585.021	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	5,5	(i) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 24, Tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu đo năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh (TM số 12 và TM số 13). (ii) 40.000.000 (Bốn mươi triệu) cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sở hữu tại VinaData

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Singapore	775.379.801.314	Ngày 1 tháng 8 năm 2027	Lãi suất SOFR trung bình 3 tháng + 1,65	Đầu tư tài sản cố định	Khoản tiền gửi ngân hàng tại VinaData (TM số 6)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	274.999.999.969 1.199.399.400	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2026 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028 Từ ngày 26 tháng 2 năm 2026 đến ngày 26 tháng 8 năm 2031	8,5 8,5	Tài trợ cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm"	Bất động sản toạ lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Chè Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Quyền sử dụng từ tiền thuê đất trả trước, chỉ phí xây dựng và máy móc thiết bị của dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm" (TM số 12 và TM số 13)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn	82.761.526.950 37.885.255.839 32.904.836.640	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2028 Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2030 Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 28 tháng 9 năm 2028	7,4 7,0 7,4	Đầu tư tài sản cố định	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VinaData (TM số 13)
TỔNG CỘNG	1.205.130.820.112				
Trong đó Vay dài hạn Vay dài hạn đến hạn trả	1.038.723.540.901 166.407.279.211				

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Vay bên thứ ba ngắn hạn

Chi tiết khoản vay bên thứ ba ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

Công ty	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Vibrant Concepts Pte.Ltd	65.567.500.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	5,96	Khoản vay chuyển đổi Tín chấp
	31.472.400.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	9,5	
	97.039.900.000			

25.4 Nợ thuế tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê dịch vụ đám mây "Cloud service" theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
				Lãi thuê tài chính	
Đến 1 năm	44.877.124.608	6.737.270.441	38.139.854.167	43.463.752.704	33.989.433.714
Từ 1 đến 5 năm	63.575.952.755	3.811.963.315	59.763.989.440	105.037.427.769	94.820.434.341
TỔNG CỘNG	108.453.077.363	10.549.233.756	97.903.843.607	148.501.180.473	128.809.868.055

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư cuối năm thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong TM số 3.13.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	15.684.217.402	2.842.320.047.141	2.735.530.513.978
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.080.672.795.518)	(1.080.672.795.518)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(934.814.850.003)	(934.814.850.003)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	30.663.337.498	-	30.663.337.498
Số cuối năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	46.347.554.900	826.832.401.620	750.706.205.955
Năm nay					
Số đầu năm	287.360.000.000	(409.833.750.565)	46.347.554.900	826.832.401.620	750.706.205.955
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(263.395.725.517)	(263.395.725.517)
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	6.409.740.000	12.819.480.000	-	-	19.229.220.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(4.996.756.296)	(4.996.756.296)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	62.242.014.394	-	62.242.014.394
Số cuối năm	293.769.740.000	(397.014.270.565)	108.589.569.294	558.439.919.807	563.784.958.536

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2025 và số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn thành việc phát hành 640.974 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") với giá phát hành là 30.000 VND/ cổ phiếu vào ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND và được Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 43 vào ngày 16 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.376.974	28.736.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.376.974	28.736.000

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được quyền hưởng cổ tức do Tập đoàn công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

27.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	287.360.000.000	287.360.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	6.409.740.000	-
Số cuối năm	<u>293.769.740.000</u>	<u>287.360.000.000</u>

28. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	357.242.751.099	74.569.536.248
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	4.996.756.296	301.422.381.391
Góp vốn trong năm	26.950.000.000	80.959.739.760
Giảm vốn trong năm	(151.000.000)	-
Cổ tức	(580.008)	(600.000)
Lỗ thuần trong năm	<u>(62.588.819.615)</u>	<u>(99.708.306.300)</u>
Số cuối năm	<u>326.449.107.772</u>	<u>357.242.751.099</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU

29.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	6.937.269.142.870	6.420.105.140.042
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	1.694.494.544.568	887.006.873.056
Dịch vụ công nghệ tài chính	1.110.494.151.862	754.369.732.977
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	974.529.762.669	928.510.359.167
Dịch vụ khác	177.586.608.308	283.331.206.934
TỔNG CỘNG	10.894.374.210.277	9.273.323.312.176
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	10.816.578.465.286	9.170.152.951.074
Doanh thu đối với bên liên quan	77.795.744.991	103.170.361.102

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	89.192.086.003	58.769.268.625
Lãi tiền gửi	77.385.078.494	48.840.257.059
Lãi chênh lệch tỷ giá	44.231.111.616	49.729.738.301
Khác	2.589.094.689	657.400.327
TỔNG CỘNG	213.397.370.802	157.996.664.312

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	2.275.461.546.579	1.759.400.441.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.457.128.984	1.872.098.871.685
Chi phí nhân viên	1.826.957.444.746	1.597.007.004.913
Chi phí khấu hao và hao mòn	589.158.370.877	496.867.291.498
Chi phí khác	118.974.079.607	121.778.693.932
TỔNG CỘNG	6.889.008.570.793	5.847.152.303.374

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	137.813.161.195	145.335.261.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.230.988.761	34.679.322.649
Lỗ thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.188.412.001	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	-	(19.388.526.319)
Chi phí tài chính khác	9.549.908.657	16.680.582.652
TỔNG CỘNG	192.782.470.614	177.306.640.826

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí bán hàng	2.557.514.836.500	1.970.946.985.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.106.399.902.522	1.543.575.193.983
Chi phí nhân viên	387.106.584.036	383.617.617.770
Chi phí khác	64.008.349.942	43.754.173.611
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.318.345.935.228	1.329.745.568.320
Chi phí nhân viên	815.376.790.182	733.845.725.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.745.028.305	446.059.076.156
Chi phí khấu hao và hao mòn	56.830.502.031	66.874.957.764
Công cụ, dụng cụ	30.119.711.786	51.864.586.166
Chi phí khác	28.273.902.924	31.101.223.074
TỔNG CỘNG	3.875.860.771.728	3.300.692.553.684

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập khác	10.583.520.411	17.958.235.979
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.218.839.031	12.320.302.821
Thu nhập khác	4.364.681.380	5.637.933.158
Chi phí khác	(188.599.291.486)	(467.259.691.122)
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	(103.873.589.968)	(314.531.937.155)
Chi phí bồi thường	(29.187.738.613)	(129.004.592.615)
Chi phí xóa sổ tài sản	(8.032.670.403)	(15.872.405.212)
Chi phí khác	(47.505.292.502)	(7.850.756.140)
LỖ THUẬN KHÁC	(178.015.771.075)	(449.301.455.143)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.572.602.059.811	3.861.733.141.824
Chi phí nhân viên	3.029.440.818.964	2.714.470.347.843
Phí bản quyền phần mềm	2.275.461.546.579	1.759.400.441.346
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại (TM số 13, 14, 15 và 18)	646.049.745.708	563.803.122.062
Công cụ, dụng cụ	97.656.242.308	112.747.025.307
Chi phí khác	143.658.929.151	135.690.778.676
TỔNG CỘNG	10.764.869.342.521	9.147.844.857.058

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- ▶ VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín (9) năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết năm 2026.
- ▶ VNG Singapore, ZPI, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, Instpay Capital, Greennode SG và VNGGames SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- ▶ VNG Myanmar có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22%.
- ▶ MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.
- ▶ Instpay AU và KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- ▶ Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%, áp dụng cho doanh nghiệp có lợi nhuận chịu thuế thấp hơn 50 nghìn Bảng Anh.
- ▶ VinaData có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- ▶ DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.
- ▶ YoPlatform và VNG Technologies LLC có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 0% trên 375 ngàn AED lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 9% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	130.631.780.368	80.032.571.141
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	73.854.258.722	364.912.559.611
TỔNG CỘNG	204.486.039.090	444.945.130.752

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(121.498.506.042)	(735.435.971.066)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	(16.769.458.245)	(139.213.664.680)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	48.685.027.888	69.613.300.734
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	165.238.529.606	30.053.592.939
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	175.354.542.145	394.001.099.532
Chuyển lỗ thuế của các năm trước	(113.968.216.335)	(161.570.256)
Lỗ từ công ty liên kết	18.720.500.582	78.460.598.905
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại (Lãi) lỗ từ thanh lý công ty con trên khía cạnh hợp nhất	364.689.139	412.745.817
Thuế được miễn, giảm	(13.321.148.722)	41.232.549.411
Khác	(7.166.749.295)	13.632.577.373
	(52.651.677.673)	(43.086.099.023)
Chi phí thuế TNDN	204.486.039.090	444.945.130.752

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lỗ kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Hao mòn của tài sản cố định vô hình	62.055.911.376	-	62.055.911.376	-	
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	1.428.191.800	1.902.442.204	(474.250.404)	(4.912.808.785)	
Khác	2.881.254.622	4.310.614.479	(1.429.359.857)	1.862.450.067	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	66.365.357.798	6.213.056.683			
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(1.159.661.128.518)	(1.043.488.282.822)	(116.172.845.696)	(372.676.946.262)	
Chênh lệch khấu hao tài sản thuế tài chính	(15.285.591.613)	-	(15.285.591.613)	-	
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi	(1.740.854.363)	(2.300.593.866)	559.739.503	3.080.698.476	
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	-	(114.050.201)	114.050.201	8.608.940.385	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4.721.897.151)	(1.499.984.919)	(3.221.912.232)	(874.893.492)	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(1.181.409.471.645)	(1.047.402.911.808)			
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(73.854.258.722)	(364.912.559.611)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Các công ty trong Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, với chi tiết như sau:

- Zion, VNG, XFM, VNG Online, VNG DC, A4B, EPI, KMZ, Instpay VN, Greennode VN, Greennode TH, 2MoreBits, Zalo Platforms, Zing, và VNGGames VN được phép chuyển lỗi trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Myanmar được phép chuyển lỗi trong vòng ba (3) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó;
- VNG Sing Taiwan được phép chuyển lỗi trong vòng mười (10) năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗi thuế đó; và
- Các công ty còn lại được phép chuyển lỗi vô thời hạn.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 8.350.675.094.308 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.734.980.858.229 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế (*)	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND					
Zion					
2020	2025	684.736.684.940	-	(684.736.684.940)	-
2021	2026	1.230.587.154.213	-	-	1.230.587.154.213
2022	2027	1.309.868.544.829	-	-	1.309.868.544.829
2023	2028	665.058.849.061	-	-	665.058.849.061
2024	2029	392.560.442.461	-	-	392.560.442.461
2025	2030	418.869.371.381	-	-	418.869.371.381
VNG					
2021	2026	252.761.680.345	(252.761.680.345)	-	-
2022	2027	1.326.542.258.087	(301.764.860.022)	-	1.024.777.398.065
2023	2028	377.568.981.245	-	-	377.568.981.245
2024	2029	1.099.061.232.957	-	-	1.099.061.232.957
VNG Singapore					
2018	Vô thời hạn	81.259.491.384	-	-	81.259.491.384
2020	Vô thời hạn	14.636.277.144	-	-	14.636.277.144
2022	Vô thời hạn	209.280.930.048	-	-	209.280.930.048
2023	Vô thời hạn	49.284.005.103	-	-	49.284.005.103
2024	Vô thời hạn	139.545.979.560	-	-	139.545.979.560
2025	Vô thời hạn	268.772.084.004	-	-	268.772.084.004
VNG Online					
2023	2028	44.296.363.685	-	-	44.296.363.685
2024	2029	112.056.748.246	-	-	112.056.748.246
2025	2030	14.764.706.334	-	-	14.764.706.334
GreenNode VN					
2023	2028	4.113.258	(4.113.258)	-	-
2024	2029	7.955.136	(7.955.136)	-	-
KMZ					
2022	2027	26.339.161.029	-	-	26.339.161.029
2023	2028	52.015.560.924	-	-	52.015.560.924
2024	2029	295.182.965.392	-	-	295.182.965.392
2025	2030	252.644.540	-	-	252.644.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau (tiếp theo):

VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
VNG DC					
2022	2027	1.059.614.789	-	-	1.059.614.789
2023	2028	46.028.571.936	-	-	46.028.571.936
2024	2029	20.563.534.550	-	-	20.563.534.550
2025	2030	28.039.638.360	-	-	28.039.638.360
XFM					
2020	2025	5.735.187.541	-	(5.735.187.541)	-
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534
2022	2027	15.512.810.994	-	-	15.512.810.994
2023	2028	22.700.395.189	-	-	22.700.395.189
2024	2029	8.954.971.621	-	-	8.954.971.621
2025	2030	1.917.530.656	-	-	1.917.530.656
VNG Sing chi nhánh Taiwan					
2023	2033	25.517.912.742	-	-	25.517.912.742
2024	2034	35.516.486.547	-	-	35.516.486.547
2025	2035	18.365.676.796	-	-	18.365.676.796
Instpay AU					
2022	Vô thời hạn	3.838.773.273	(1.023.481.244)	-	2.815.292.029
2023	Vô thời hạn	15.638.148.599	-	-	15.638.148.599
2024	Vô thời hạn	6.964.268.183	-	-	6.964.268.183
Instpay SG					
2022	Vô thời hạn	130.037.976	-	-	130.037.976
2023	Vô thời hạn	15.652.642.320	-	-	15.652.642.320
2024	Vô thời hạn	23.323.583.304	-	-	23.323.583.304
2025	Vô thời hạn	18.860.185.080	-	-	18.860.185.080
Greennode TH					
2024	2029	14.278.991.669	(14.278.991.669)	-	-
EPI					
2024	2029	12.280.144.785	-	-	12.280.144.785
2025	2030	63.895.136.309	-	-	63.895.136.309
VNG Myanmar					
2023	2026	1.499.443.391	-	-	1.499.443.391
2024	2027	893.319.048	-	-	893.319.048
2025	2028	85.513.420	-	-	85.513.420
Instpay Holco					
2022	Vô thời hạn	137.575.656	-	-	137.575.656
2023	Vô thời hạn	838.891.800	-	-	838.891.800
2024	Vô thời hạn	19.864.801.872	-	-	19.864.801.872
2025	Vô thời hạn	5.272.139.304	-	-	5.272.139.304
Instpay UK					
2023	Vô thời hạn	1.985.088.045	-	-	1.985.088.045
2024	Vô thời hạn	5.837.594.403	-	-	5.837.594.403
2025	Vô thời hạn	9.139.600.294	-	-	9.139.600.294
A4B					
2024	2029	5.490.290.440	-	-	5.490.290.440
2025	2030	18.583.236.542	-	-	18.583.236.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau (tiếp theo):

VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế (*)	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗi tháng 12 năm 2025	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
Instpay HK					
2023	Vô thời hạn	29.072.442	-	-	29.072.442
2024	Vô thời hạn	255.649.191	-	-	255.649.191
2025	Vô thời hạn	69.272.404	-	-	69.272.404
Instpay Capital					
2025	Vô thời hạn	39.455.856	-	-	39.455.856
2MoreBits					
2025	2030	5.599.045.235	-	-	5.599.045.235
Zalo Platforms					
2025	2030	24.546.065.754	-	-	24.546.065.754
VNGGames VN					
2025	2030	21.430.318.527	-	-	21.430.318.527
VNGGames SG					
2025	2030	1.509.787.687	-	-	1.509.787.687
Zing					
2025	2030	1.473.895.626	-	-	1.473.895.626
Instpay VN					
2023	2028	2.104.397	-	-	2.104.397
2024	2029	2.331.748	-	-	2.331.748
2025	2030	2.420.322	-	-	2.420.322
TỔNG CỘNG		9.610.988.048.463	(569.841.081.674)	(690.471.872.481)	8.350.675.094.308

(*) Lỗi thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗi lũy kế tại một số công ty trong Tập đoàn trị giá là 8.344.823.404.533 VND do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai cho từng công ty tại thời điểm này.

36. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoài các công ty liên kết như được trình bày tại TM số 1, danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Tập đoàn như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dayone ("DayOne")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Cloud International Pte Ltd ("Tencent Cloud")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	813.331.211.607	657.921.622.341
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	38.391.992.741	30.606.607.740
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	820.259.678.342	599.500.749.238
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.683.798.764	10.652.565.608
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	94.155.504.631	167.031.558.777
NCV Games	Phí bản quyền phần mềm	88.596.975.566	-
	Cung cấp dịch vụ	64.857.691.785	-
Tencent Cloud	Mua dịch vụ	66.991.405.410	-
DayOne	Bán thẻ điện thoại	63.617.464.170	1.793.902.601
	Cung cấp dịch vụ	1.297.838.451	1.027.113.625
Verichains VN	Thanh lý tài sản	5.383.038.896	-
	Cung cấp dịch vụ	1.533.310.500	-
	Sử dụng dịch vụ	4.482.399.000	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	7.901.510.081	35.616.224.925
VTH	Cung cấp dịch vụ	658.800.000	263.400.000
Aceville	Mua dịch vụ	-	88.819.590.355
Got It	Bán thẻ cào	-	58.161.258.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao, trợ cấp của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Hồng Minh (i)	7.570.864.000	7.104.438.000
Ông Vương Quang Khải (ii)	13.275.244.000	6.531.728.000
Thành viên Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	21.026.108.000	13.816.166.000

- (i) Nhà sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Đại diện pháp luật.
(ii) Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Giám đốc		
Tiền lương trung bình một tháng (VND/tháng)	1.282.743.419	592.036.500
Các thành viên quản lý chủ chốt khác		
Tiền lương trung bình một tháng cho một người (VND/tháng/người)		
Các Phó Tổng Giám đốc điều hành	504.472.858	477.491.458

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 7)</i>			
Riot Games Services	Cung cấp dịch vụ	38.274.370.846	38.548.714.661
Verichains VN	Cung cấp dịch vụ	8.090.760.924	-
Proxima	Cung cấp dịch vụ	92.428.490	6.579.455.267
DayOne	Cung cấp dịch vụ	53.122.431	4.689.718
VTH	Cung cấp dịch vụ	59.292.000	60.390.000
		46.569.974.691	45.193.249.646
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 8)</i>			
Dorocat	Phí bảo lãnh tối thiểu	-	7.112.280.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)			
Proxima	Mua dịch vụ	117.173.900.943	131.960.654.601
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	13.105.107.658	18.490.848.142
Tencent Cloud	Mua dịch vụ	14.799.762.554	-
NCV Games	Mua dịch vụ	8.627.673.847	-
Verichains VN	Mua dịch vụ	7.450.059.584	-
Tencent Shanghai	Mua dịch vụ	417.735.713	8.786.849.137
DayOne	Mua dịch vụ	254.700.000	265.400.000
	Mua hàng hóa	-	5.143.720
Aceville	Mua dịch vụ	-	24.605.793.754
	Phí bản quyền phần mềm	-	2.496.217.720
		161.828.940.299	186.610.907.074
Người mua trả tiền trước (TM số 20)			
DayOne	Mua dịch vụ	682.079.420	1.453.002.350
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 22)			
Riot Games Services	Phí bản quyền phần mềm	225.378.484.647	216.088.179.247
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	152.164.447.162	140.837.781.238
	Chi phí vận hành	15.234.430.555	23.712.477.457
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	16.109.947.669	26.896.002.669
NVC Games	Phí bản quyền phần mềm	12.989.281.555	-
Tencent Cloud	Dịch vụ lưu trữ máy chủ	5.591.071.643	-
Verichains VN	Chi phí vận hành	925.992.000	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	242.276.825	3.829.644.218
Aceville	Mua dịch vụ	-	7.769.935.167
		428.635.932.056	419.134.019.996
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 24)			
VNG Limited	Tạm ứng mua cổ phần	190.145.750.000	139.705.500.000
NCV Games	Thu hộ	84.710.396.367	-
DayOne	Thu hộ	209.611.560	86.840.646
		275.065.757.927	139.792.340.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(263.395.725.517)	(1.080.672.795.518)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	29.106.536	28.736.000
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III (*)	891.899	1.027.104
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (*)	598.432	626.564
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	30.596.867	30.389.668
Lỗ trên mỗi cổ phiếu		
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(9.049)	(37.607)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	(9.049)	(37.607)

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, các công cụ có khả năng pha loãng lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai không được đưa vào tính toán lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho các năm được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	98.261.790.822	140.878.188.055
Từ 1 đến 5 năm	106.764.190.165	323.241.056.370
TỔNG CỘNG	205.025.980.987	464.119.244.425

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền trò chơi	95.682.734.506	210.267.090.306
Phí đảm bảo tối thiểu	227.307.551.000	251.406.397.500
Máy móc và thiết bị	104.830.963.690	21.344.434.046
TỔNG CỘNG	427.821.249.196	483.017.921.852

Các cam kết và nghĩa vụ tiềm tàng khác

- (i) Trong năm 2022, Tập đoàn đã ký kết một thỏa thuận đăng ký để đầu tư vào một công ty hợp danh hữu hạn mới thành lập. Theo các điều khoản của thỏa thuận, việc cam kết tài trợ toàn bộ số tiền 24 triệu USD của Tập đoàn được các bên công nhận là phụ thuộc vào việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited, phương tiện niêm yết của Tập đoàn. Trường hợp IPO không diễn ra trước một thời hạn nhất định, Tập đoàn sẽ không bị xem là vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền cam kết. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi vốn trong vòng 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn không có ý định tiếp tục thực hiện thỏa thuận đăng ký này trừ khi IPO diễn ra vào hoặc trước ngày thống nhất của các đối tác, đã được gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Theo đó, trong trường hợp như vậy, Tập đoàn có thể chấm dứt thỏa thuận mà không phải chịu bất kỳ hình phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 và thỏa thuận sửa đổi số 1 ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa Tập đoàn, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Tập đoàn có nghĩa vụ, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này khi xảy ra sự kiện vi phạm trong khoảng thời gian cụ thể, Tập đoàn sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên (“ESOP”)

Tập đoàn có ESOP, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ chương trình ESOP II và ESOP III là 3.306.526 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

Chi tiết về chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của kỳ đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số đầu năm	30.000	977.282	30.000	889.704
Cấp trong năm	30.000	376.405	30.000	546.701
Mất quyền mua trong năm	30.000	(137.923)	30.000	(75.076)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(426.014)	30.000	(384.047)
Số cuối năm		<u>789.750</u>		<u>977.282</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngoại tệ:</i>		
- MMK	15.109.734	17.162.534
- USD	11.008.873	14.516.791
- TWD	5.838.789	15.542.672
- SGD	5.272.909	3.399.376
- THB	2.334.336	3.120.673
- CNY	916.132	248.137
- AUD	530.321	392.572
- PHP	397.194	540.723
- JPY	311.118	-
- EUR	64.781	2.159.588
- GBP	7.744	13.737

41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trò chơi trực tuyến;
- Truyền thông đa phương tiện;
- Dịch vụ công nghệ tài chính;
- Dịch vụ chuyển đổi số; và
- Dịch vụ đầu tư dài hạn khác.

Công ty Cổ phần VNG
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025								VND
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh								
Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ chuyển đổi số	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Chưa được phân bổ	Loại trừ/ Chưa được phân bổ	Hợp nhất
Doanh thu từ khách hàng bán ngoài								
7.054.073.109.956	1.717.757.115.946	1.110.654.019.283	774.368.700.493	237.521.264.599	10.894.374.210.277	-	-	10.894.374.210.277
Doanh thu giữa các bộ phận								
73.184.210	2.910.975.202	122.117.828.532	331.857.847.923	111.330.419.952	568.290.255.819	(568.290.255.819)	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ								
7.054.146.294.166	1.720.668.091.148	1.232.771.847.815	1.106.226.548.416	348.851.684.551	11.462.664.466.096	(568.290.255.819)	-	10.894.374.210.277
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh								
938.591.009.200	118.028.392.718	(489.233.944.933)	130.822.808.844	(139.821.180.241)	558.387.085.588	-	-	558.387.085.588
Đổi chiếu								
Các khoản chi phí không được phân bổ								(606.897.988.907)
Doanh thu tài chính								213.367.370.802
Chi phí tài chính								(192.782.470.614)
Lỗ từ công ty liên kết								(93.602.502.911)
Tổng lỗ trước thuế								(121.498.506.042)
THÔNG TIN KHÁC:								
Tài sản và công nợ Tài sản bộ phận								6.748.364.831.379
Tài sản không phân bổ								4.615.889.208.197
Tổng tài sản								11.364.254.039.576
Công nợ bộ phận								7.257.867.409.918
Công nợ không phân bổ								3.204.152.563.350
Tổng công nợ								10.462.019.973.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được cung cấp cho theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024							VNĐ	
	Trò chơi trực tuyến	Truyền thông đa phương tiện	Dịch vụ công nghệ tài chính	Dịch vụ chuyển đổi số	Dịch vụ đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng	Loại trừ/ Chưa được phân bổ	Hợp nhất
Doanh thu theo bộ phận kinh doanh								
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	6.504.322.724.661	1.247.602.279.968	754.369.732.977	494.605.508.516	272.423.066.054	9.273.323.312.176	-	9.273.323.312.176
Doanh thu giữa các bộ phận	5.841.367.237	127.743.033.593	144.782.670.055	309.322.498.577	114.226.140.429	701.915.709.891	(701.915.709.891)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.510.164.091.898	1.375.345.313.561	899.152.403.032	803.928.007.093	386.649.206.483	9.975.239.022.067	(701.915.709.891)	9.273.323.312.176
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh	1.220.590.524.996	(47.676.315.021)	(580.302.905.599)	(21.233.763.578)	(110.536.348.720)	460.841.192.078	-	460.841.192.078
Đổi chiếu								
Các khoản chi phí không được phân bổ								(784.664.192.103)
Doanh thu tài chính								157.996.664.312
Chi phí tài chính								(177.306.640.826)
Lỗ từ công ty liên kết								(392.302.994.527)
Tổng lỗ trước thuế								(735.435.971.066)
THÔNG TIN KHÁC:								
Tài sản và công nợ								
Tài sản bộ phận	939.180.404.444	473.768.784.752	1.290.716.448.230	1.455.098.449.075	3.265.890.785.403	7.424.654.871.904	-	7.424.654.871.904
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.009.498.355.327	2.009.498.355.327
Tổng tài sản	939.180.404.444	473.768.784.752	1.290.716.448.230	1.455.098.449.075	3.265.890.785.403	7.424.654.871.904	2.009.498.355.327	9.434.153.227.231
Công nợ bộ phận	3.762.600.302.020	338.883.278.616	798.410.144.794	406.540.692.304	527.707.757.920	5.834.142.175.654	-	5.834.142.175.654
Công nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.492.062.094.523	2.492.062.094.523
Tổng công nợ	3.762.600.302.020	338.883.278.616	798.410.144.794	406.540.692.304	527.707.757.920	5.834.142.175.654	2.492.062.094.523	8.326.204.270.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 13 tháng 2 năm 2026, Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC") đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phân bổ khác với tỷ lệ sở hữu trước đó của từng cổ đông. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong VNG DC giảm xuống từ 51% còn 49% kể từ ngày này.

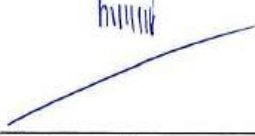
Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 Số 01/2025/NQ-DHDCD ngày 21 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2025/NQHDQT-VNGG ngày 26 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 349.581 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 30.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 17 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua báo cáo kết quả phát hành 349.491 cổ phiếu cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2026/NQHDQT-VNGG. Vào ngày 20 tháng 3 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Lê Thị Hồng Hạnh
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 EY Consulting Vietnam Joint Stock Company.
All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn